

BẠO LỰC HEN HÒ Ở SINH VIÊN: MỘT NGHIÊN CỨU CẮT NGANG TRÊN SINH VIÊN ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2025

Hoàng Thị Hải Vân, Nguyễn Thị Thu Hằng và Đinh Linh Trang✉

Trường Đại học Y Hà Nội

Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện nhằm mô tả thực trạng bạo lực hen hò ở sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội năm 2025. Nhóm nghiên cứu sử dụng bộ công cụ CADRI-S gồm 20 mục được dịch sang tiếng Việt và tiến hành khảo sát trên 962 sinh viên được chọn theo phương pháp phân tầng nhiều giai đoạn. Kết quả cho thấy 52,9% đối tượng từng gây ra và 43,2% từng trải qua ít nhất một hành vi bạo lực hen hò. Các dạng bạo lực hen hò phổ biến gồm: bạo hành thể xác, đe dọa, lạm dụng tình dục, lời nói/tình cảm và kiểm soát trong mối quan hệ. Các hành vi thực hiện bạo lực hen hò ở nữ trong đó bạo hành thể xác (83,5%) chiếm đa số và lạm dụng tình dục chủ yếu do nam giới thực hiện (59,4%). Kết quả nhấn mạnh mức độ phổ biến của bạo lực hen hò trên nhóm sinh viên này và sự cần thiết của các can thiệp giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và phòng ngừa bạo lực trong các mối quan hệ tình cảm.

Từ khóa: Bạo lực hen hò, CADRI-S, sinh viên.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo số liệu từ Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC) năm 2024, khoảng 41% phụ nữ và 26% nam giới đã từng trải qua bạo lực tình dục, bạo lực thể xác hoặc bị bạo hành theo dõi trong suốt cuộc đời tác động sâu sắc đến sức khỏe.¹ Bạo lực hen hò (BLHH) là một vấn đề ngày càng được quan tâm trong cộng đồng sinh viên, đặc biệt là tại các trường đại học. Bạo lực hen hò ở thanh thiếu niên và những người trưởng thành trẻ tuổi là bất kỳ hành vi bạo lực, lạm dụng nào hoặc gây hấn xảy ra trong mối quan hệ lãng mạn mà không bao gồm hôn nhân. Nó không chỉ đơn thuần là hành vi bạo lực thể chất, tình dục mà còn bao gồm các hình thức lạm dụng tinh thần, tình cảm và kiểm soát, dẫn đến các nạn nhân nguy cơ cao trải qua các triệu chứng của trầm cảm, lo âu, căng thẳng.^{2,3} Một đánh giá có hệ

thống đã phân tích bạo lực hen hò trên toàn thế giới cho thấy tỉ lệ này trong khoảng từ 27,7% đến 70,7%, với nhiều nghiên cứu phát hiện ra tỉ lệ gặp phải lớn hơn 50% ở cả hai giới, cả nạn nhân và thủ phạm, để lại hậu quả nghiêm trọng hơn đối với phụ nữ.⁴ Đặc biệt, giai đoạn sinh viên là một qua giai đoạn chuyển tiếp quan trọng trong cuộc đời, có thể gặp phải vấn đề trong các mối quan hệ tình cảm xung quanh và những ảnh hưởng tiêu cực này có thể làm gia tăng nguy cơ mắc phải các vấn đề về sức khỏe tâm thần. Chính vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm tìm hiểu thực trạng bạo lực hen hò của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Tiêu chuẩn lựa chọn: Sinh viên đang theo học chương trình đào tạo chính quy tại trường Đại học Y Hà Nội và có đủ năng lực trả lời các câu hỏi điều tra và đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên không hợp

Tác giả liên hệ: Đinh Linh Trang

Trường Đại học Y Hà Nội

Email: dinhlinhtrang@hmu.edu.vn

Ngày nhận: 31/07/2025

Ngày được chấp nhận: 28/08/2025

tác trong quá trình thu thập.

Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu cắt ngang.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu nghiên cứu: Cỡ mẫu nghiên cứu được tính theo công thức ước lượng một tỉ lệ, sử dụng sai số tương đối trong quần thể:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{1-p}{\varepsilon^2 p}$$

Trong đó:

- n là cỡ mẫu tối thiểu.
- $Z_{1-\alpha/2}$ là giá trị từ phân bố chuẩn, được tính dựa trên mức ý nghĩa thống kê ($Z_{1-\alpha/2} = 1,96$), tương ứng với ngưỡng tin cậy $\alpha = 0,05$.
- p là tỉ lệ ước đoán, chọn theo tỉ lệ bạo lực hện hò ở sinh viên theo một nghiên cứu tại Đài Loan, trầm cảm, lo âu, căng thẳng lần lượt là p = 0,59.⁵
- ε là mức sai số tương đối chấp nhận, chọn $\varepsilon = 0,06$.

Thay vào công thức ta được cỡ mẫu là 742, cộng thêm 10% bỏ cuộc thì cỡ mẫu tính được là 816. Trên thực tế cỡ mẫu thu được là 962 sinh viên.

Phương pháp chọn mẫu phân tầng nhiều giai đoạn được áp dụng theo 3 bước:

- Bước 1: Lập danh sách các sinh viên theo chuyên ngành/năm học trong trường Đại học Y Hà Nội và xác định số lượng sinh viên trong mỗi chuyên ngành/năm học.
- Bước 2: Ở mỗi tầng, chọn một số lớp hoặc tổ học tập ngẫu nhiên. Số lượng lớp chọn sẽ dựa trên tỉ lệ số sinh viên trong tầng đó so với tổng quần thể.
- Bước 3: lập danh sách tất cả sinh viên trong tổ của mỗi lớp đã chọn ở bước 2, sau đó chọn ngẫu nhiên 20 sinh viên từ danh sách đó.

Công cụ nghiên cứu: Bộ công cụ CADRI-S bao gồm 20 mục với các câu hỏi hai chiều do nhóm nghiên cứu dịch ra tiếng Việt và đánh giá độ tin cậy.⁶ Kiểm định độ tin cậy cho thấy

tất cả các thang đo phụ có hệ số Cronbach's Alpha > 0,8. Phân tích nhân tố khám phá cho kết quả KMO = 0,8057 và Bartlett's test có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Biến số và chỉ số nghiên cứu

- Tỷ lệ người gây ra bạo lực và người từng chịu bạo lực hện hò: Người gây ra bạo lực hện hò (Có/Không) và người từng chịu bạo lực hện hò (Có/Không).

- Năm thang điểm phụ: lạm dụng thể chất, hành vi đe dọa, lạm dụng tình dục, lạm dụng quan hệ và lạm dụng bằng lời nói/tinh cảm. Đối tượng nghiên cứu xác nhận các mục này nếu chúng xảy ra với họ trong bối cảnh hện hò, lãng mạn hoặc mối quan hệ thân mật trên thang điểm: 1 - Không bao giờ, 2 - Hiếm khi (1-2 lần), 3 - Đôi khi (3-5 lần), 4 - Thường xuyên (6 lần hoặc nhiều hơn), 5 - Điều này không áp dụng với mối quan hệ của bạn.

- Biến phụ thuộc: giới tính (nam/nữ)

Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu thu thập bằng phiếu trả lời câu hỏi, số liệu được nhập liệu bằng phần mềm Redcap, sau đó được xuất qua file Excel để kiểm tra lại và làm sạch thông tin. Sau đó, sẽ được phân tích và xử lý trên phần mềm Stata 17.0 bằng các thuật toán thống kê:

Thống kê mô tả: trình bày tần suất và tỉ lệ phần trăm cho các biến định tính (giới tính, loại hành vi bạo lực).

So sánh tỉ lệ giữa nam và nữ: kiểm định Chi-bình phương để phân tích mối liên quan giữa giới tính và từng loại hành vi bạo lực hện hò, với mức ý nghĩa thống kê $p < 0,05$ nhằm tìm hiểu sự khác biệt giữa hai giới trong việc gây ra cũng như là nạn nhân của bạo lực hện hò.

3. Đạo đức nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu được giải thích rõ ràng về mục tiêu nghiên cứu và hỏi ý kiến tham gia nghiên cứu, có quyền đồng ý/ từ chối và dừng tham gia nghiên cứu bất cứ thời điểm nào vì bất cứ lý do gì. Khi đối tượng nghiên cứu nhận được đường link và truy cập vào REDCap, một

biểu mẫu chấp thuận nghiên cứu sẽ hiện ra, sau khi đọc kỹ thông tin về nghiên cứu, chọn đồng ý rồi nhấn nút tiếp theo mới vào biểu mẫu thu thập thông tin của nghiên cứu. Các thông

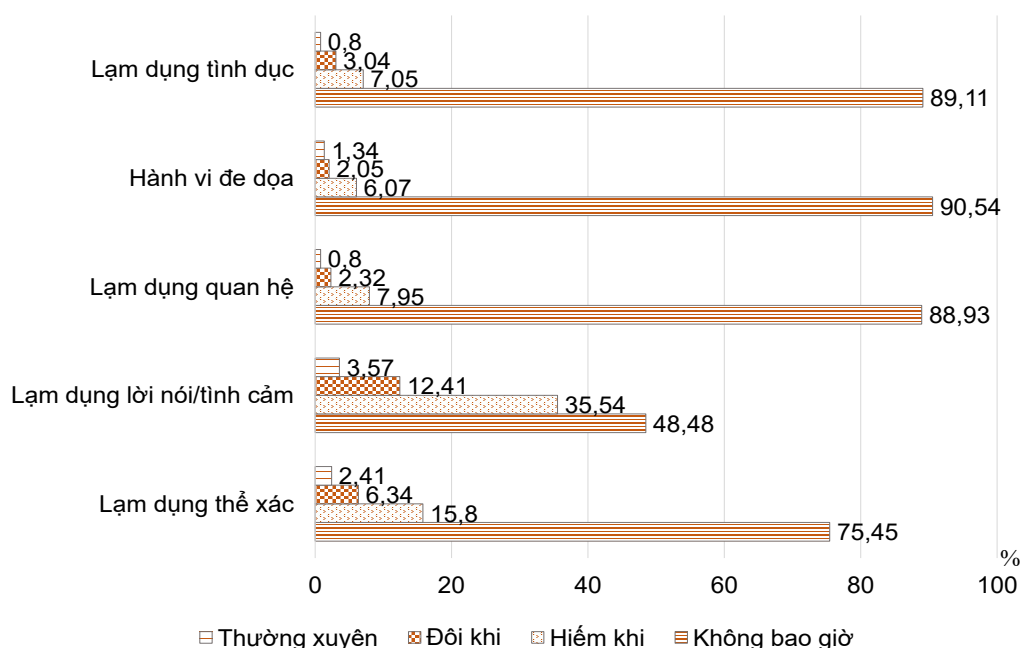
tin về đối tượng nghiên cứu được bảo mật tuyệt đối và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ

Bảng 1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu (n = 962)

Đặc điểm		n (%)
Tuổi trung bình		21,5 ± 1,8
<i>Giới tính</i>	Nam	466 (48,4)
	Nữ	496 (51,6)
<i>Người gây ra bạo lực hện hò</i>	Có	509 (52,9)
	Không	453 (47,1)
<i>Người từng chịu bạo lực hện hò</i>	Có	416 (43,2)
	Không	546 (56,8)

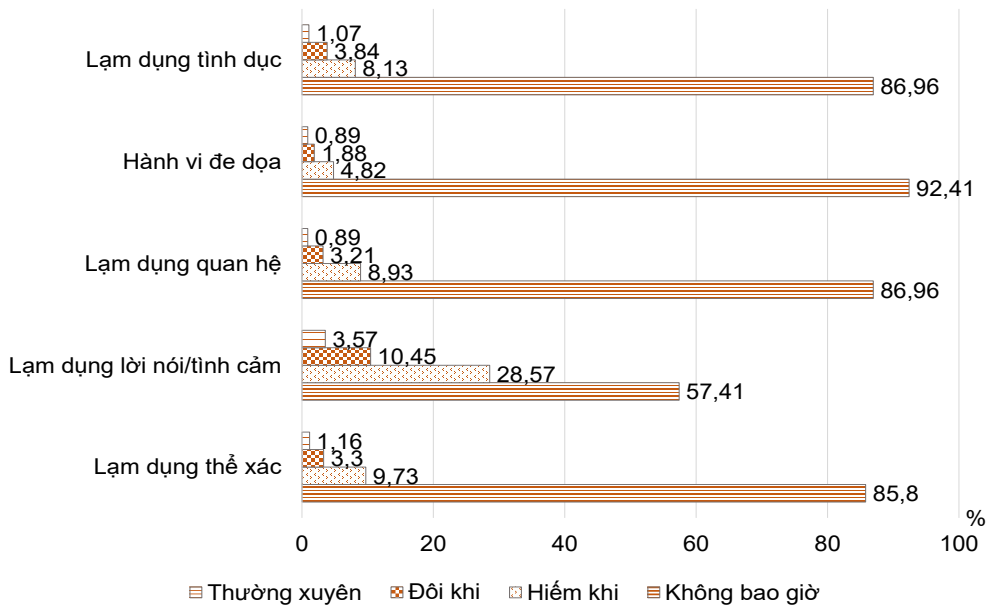
Có 52,9% người gây ra và 43,2% người từng chịu ít nhất một hành vi bạo lực hện hò.



Biểu đồ 1. Mức độ thường xuyên của người gây ra bạo lực hện hò (%) (n = 962)

Người gây ra BLHH thì có tỉ lệ cao nhất ở tất cả các loại bạo lực là mức độ 1 (tức là không bao giờ gây ra) có tỉ lệ cao hơn đáng kể so với mức độ khác. Ở các mức độ nặng hơn (mức đôi

khi, thường xuyên), tỉ lệ giảm mạnh, nhưng vẫn nghiêm trọng nhất ở hành vi lạm dụng lời nói/tình cảm ở mức 3 (12,4%); mức 4 (3,6%).



Biểu đồ 2. Mức độ thường xuyên của người từng chịu bạo lực hèn hò (%) (n = 962)

Người từng chịu BLHH thì có tỉ lệ cao nhất vẫn có nạn nhân từng chịu nhiều lần bị bạo lực: cũng tập trung ở mức 1. Ở mức 2 và cao hơn, hành vi đe dọa mức 2 (28,6%), mức 3 (10,5%).

Bảng 2. Thực trạng người đã gây ra các loại bạo lực hèn hò theo giới tính (n = 509)

Loại bạo lực hèn hò	Giới tính		Tổng n (%)	Giá trị p*
	Nam n (%)	Nữ n (%)		
Người gây ra bạo lực hèn hò	174 (34,18)	335 (65,82)	509 (100)	< 0,001
Bạo hành thể xác	32 (16,5)	162 (83,5)	194 (100)	< 0,001
Hành vi đe dọa	23 (27,1)	62 (72,9)	85 (100)	0,009
Lạm dụng tình dục	57 (59,4)	39 (40,6)	96 (100)	< 0,001
Lạm dụng quan hệ	42 (39,3)	65 (60,7)	107 (100)	0,809
Lạm dụng bằng lời nói và tình cảm	138 (33,5)	274 (66,5)	412 (100)	< 0,001

*test: chi bình phương

Người gây ra bạo lực hèn hò ở nam chiếm 34,2%, ở nữ chiếm 65,8%. Các hành vi BLHH đều cao hơn ở nữ trong đó bạo hành thể xác

(83,5%) chiếm đa số. Ngoại trừ, lạm dụng tình dục chủ yếu do nam giới gây ra (59,4%; $p < 0,001$).

Bảng 3. Thực trạng người đã từng chịu bạo lực hèn hò theo giới tính (n = 416)

Loại bạo lực hèn hò	Giới tính		Tổng n (%)	Giá trị p*
	Nam n (%)	Nữ n (%)		
Người từng chịu bạo lực hèn hò	184 (44,2)	232 (55,8)	416(100)	0,031
Bạo hành thể xác	69 (57)	52 (43)	121(100)	< 0,001
Hành vi đe dọa	27 (42,9)	36 (57,1)	63(100)	0,673
Lạm dụng tình dục	45 (40,5)	66 (59,5)	111(100)	0,962
Lạm dụng quan hệ	51 (44,4)	64 (55,6)	115(100)	0,350
Lạm dụng bằng lời nói và tình cảm	144 (43,6)	186 (56,4)	330(100)	0,131

*: test khi bình phương

Người từng chịu BLHH ở nữ chiếm tỉ lệ cao hơn nam trong tất cả các loại bạo lực. Các hành vi BLHH có tỉ lệ nữ từng chịu cao hơn, trừ hành vi bạo hành thể xác cao hơn ở nam ($p < 0,001$).

IV. BÀN LUẬN

Có đến 43,2% người từng trải qua ít nhất một hành vi BLHH; 52,9% người từng gây ra ít nhất một hành vi BLHH. Kết quả này thu được tỉ lệ cao hơn các nghiên cứu khác về BLHH ở thanh thiếu niên của Dosil và cộng sự năm 2020; Pichiule Castañeda và cộng sự năm 2014, nhưng lại thấp hơn nghiên cứu trên sinh viên điều dưỡng Barroso - Corroto năm 2023 và bạo lực trong hôn nhân.⁷⁻¹⁰ Điều đáng chú ý là mức độ thường xuyên gây ra/từng chịu bạo lực mà người tham gia nhận định thường bị coi là “không bao giờ” hoặc “hiếm khi” nhưng vẫn tồn tại một tỉ lệ không nhỏ các hành vi bạo lực mức độ cao hơn, cụ thể ở mức độ “thường xuyên”, đặc biệt là về lạm dụng tình cảm/lời nói và thể xác trong quan hệ yêu đương.¹¹ Điều này có thể cho rằng các dạng bạo lực có thể âm ỉ, dễ bị xem nhẹ bởi chính người trong cuộc, hoặc không nhận thức được đó là bạo lực hèn hò.

Các hành vi gây ra BLHH đều cao hơn ở nữ trong đó bạo hành thể xác (83,5%) chiếm đa số và lạm dụng tình dục chủ yếu do nam giới gây ra (59,4%). Có thể giải thích rằng một số

nam giới có thể đang tuân theo chuẩn mực rằng “đàn ông không nên đánh phụ nữ” khi bị bạn tình đánh trước. Một lời giải thích khác là đàn ông đơn giản là ít muốn báo cáo việc đánh bạn tình hơn phụ nữ.¹² Nghiên cứu phát hiện ra nữ có xu hướng gây ra bạo lực hèn hò (58,4%) và trải qua bạo lực hèn hò (55,8%) đều cao hơn so với nam. Điều này lại đi ngược với nghiên cứu của Sarah Taylor năm 2020, nhưng tương đồng với nghiên cứu đánh giá hệ thống đã tổng hợp một số giả định truyền thống và phản ánh sự thay đổi trong nhận thức và báo cáo về nạn nhân cho rằng ở những phụ nữ thường là nạn nhân nhiều hơn.^{11,13} Mặt khác, nam giới có thể là nạn nhân của bạo lực thể chất, tâm lý, và tình dục, nhưng thường ít được chú ý và hỗ trợ hơn so với nữ giới.¹⁴ Mặc dù tỉ lệ gây ra hành vi xâm phạm về thể chất và tâm lý khác nhau giữa nam và nữ, nhưng tỉ lệ thực hiện và nạn nhân của hành vi xâm phạm tình dục thì không. Theo tài liệu ở thời điểm hiện tại, phụ nữ có tỉ lệ nạn nhân của bạo lực tình dục cao hơn nam giới. Ngoài ra, nam giới có nhiều khả năng thực hiện bạo lực tình dục hơn phụ nữ. Xu hướng này có vẻ như nhất quán trong toàn bộ tài liệu hiện tại.¹⁵ Điều này phù hợp với bối cảnh văn hóa Á Đông, nơi mà các hành vi mang tính kiểm soát trong tình cảm đôi khi bị xem là biểu hiện của sự quan tâm, dẫn đến việc người trong cuộc không

nhận thức được tính chất bạo lực tiềm ẩn (mối quan hệ hẹn hò so với sinh viên châu Âu).¹⁶

Những người tự nghĩ là phụ nữ có tỉ lệ thực hiện hành vi bạo lực cao nhất (58,3%) và những người tự nghĩ là đàn ông nhưng lại có tỉ lệ từng chịu bạo lực cao hơn (47,5%). Phân tích cho thấy các yếu tố cá nhân như hành vi tiêu thụ rượu và bản dạng giới về bản thân có mối liên hệ đáng kể với cả việc gây ra và từng trải qua BLHH. Bên cạnh đó, yếu tố bối cảnh như “nơi ở” cũng cho thấy sự ảnh hưởng đáng kể, khi bạo lực thường xảy ra ở môi trường riêng tư - nơi thiếu sự giám sát và hỗ trợ. Đặc biệt, xu hướng tính dục, thời gian yêu đương, và vấn đề sức khỏe cũng đóng vai trò như yếu tố nền góp phần định hình hành vi trong mối quan hệ. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết của can thiệp đa tầng, không chỉ tập trung vào kỹ năng cá nhân mà còn cần xem xét bối cảnh sống và kinh nghiệm quá khứ của người trẻ. Kết quả cũng có ý nghĩa mạnh mẽ với rối loạn trầm cảm (68,2%), lo âu (33,6%), căng thẳng (70%) với cả thực hiện và trải qua BLHH, nhận định này phù hợp với các nghiên cứu quốc tế như của Barroso-Corroto E.

Hầu hết người tham gia đều cho rằng mình không phải là người gây ra hay từng chịu BLHH, trong đó 22 (2,3%) nhận mình là người gây ra và 47 (4,9%) nhận mình là người từng chịu BLHH. Kết quả này chênh lệch với tỉ lệ người gây ra/từng chịu BLHH thu được ở phần kết quả trên, cho thấy sinh viên y chưa có kiến thức để nhận ra đó là hành vi của BLHH. Một số bằng chứng từ nghiên cứu định tính của Lewis và cộng sự (2022) tại Việt Nam giúp lý giải rõ hơn các phát hiện trên, kết quả nghiên cứu này cho thấy chuẩn mực giới phổ biến trong môi trường đại học đặt nam giới vào vai trò chủ động và quyết đoán trong hẹn hò, còn nữ giới được kỳ vọng khiêm tốn, ngoan và hướng về gia đình.¹⁷ Trong thực tế, nam giới thường là người khởi xướng tiếp xúc thân mật, còn nữ sử dụng các tín hiệu

tinh tế hoặc từ chối nhẹ để bộc lộ ranh giới. Không ít nam sinh suy đoán đồng thuận từ im lặng hoặc thiếu phản đối rõ ràng, thậm chí diễn giải “nói không” là sẽ thành “có”, qua đó làm mờ ranh giới không đồng thuận và bình thường hóa cưỡng ép tình dục trong quan hệ hẹn hò, đồng thời, rủi ro về danh tiếng khiến nữ sinh khó bày tỏ mong muốn tình dục một cách chủ động, củng cố thêm sự bất cân xứng về quyền lực trong thương lượng.¹⁷ Những phát hiện này cũng giúp giải thích vì sao ở nghiên cứu định lượng của chúng tôi, tỉ lệ BLHH đo lường bằng công cụ chuẩn hóa cao nhưng nhiều sinh viên vẫn không tự nhận mình liên quan đến BLHH. Do vậy, cần thực hiện các can thiệp giáo dục tại đại học về chuẩn mực giới, bình đẳng, đồng thuận khẳng định, kỹ năng giao tiếp bằng lời nói và không qua lời nói trong dự phòng cưỡng ép và bạo lực trong hẹn hò. Trên thực tế có một vài nghiên cứu về dự phòng BLHH trên thế giới và Việt Nam, nhưng điều này thật sự chưa phổ biến và nhất là trong Trường Đại học Y Hà Nội.

Một hạn chế của nghiên cứu là thiết kế cắt ngang, do đó không thể xác định mối quan hệ nhân quả giữa các yếu tố liên quan và hành vi bạo lực hẹn hò. Ngoài ra, việc thu thập số liệu thông qua tự báo cáo có thể dẫn đến sai số do người tham gia không nhận thức được hành vi bạo lực hoặc do e ngại tiết lộ thông tin nhạy cảm.

V. KẾT LUẬN

Có đến 43,2% người từng trải qua ít nhất một hành vi bạo lực hẹn hò; 52,9% người từng thực hiện ít nhất một hành vi bạo lực hẹn hò. Tỉ lệ nạn nhân/thủ phạm của bạo lực hẹn hò đều cao hơn ở nữ giới. Cụ thể, các hành vi thực hiện bạo lực hẹn hò ở nữ trong đó bạo hành thể xác (83,5%) chiếm đa số và lạm dụng tình dục chủ yếu do nam giới thực hiện (59,4%). Các hành vi bạo lực hẹn hò có tỉ lệ nữ từng chịu cao hơn, trừ hành vi bạo hành thể xác cao hơn ở nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. CDC. CDC: Centers for Disease Control and Prevention. About Intimate Partner Violence. Intimate Partner Violence Prevention. January 31, 2025. Accessed May 14, 2025. <https://www.cdc.gov/intimate-partner-violence/about/index.html>
2. Centers for Disease Control and Prevention. CDC Museum Public Health Academy Teen Newsletter: Teen Dating Violence. Centers for Disease Control and Prevention. May 3, 2022. Accessed May 14, 2025. <https://www.cdc.gov/museum/education/newsletter/2021/mar/index.html>
3. Matud MP, Hernández-Lorenzo DE, Fortes D, et al. Dating Violence and Mental Health in Emerging Adulthood. *Healthcare*. 2023;11(24):3172. doi:10.3390/healthcare11243172
4. Taquette SR, Monteiro DLM. Causes and consequences of adolescent dating violence: a systematic review. *J Inj Violence Res*. 2019;11(2):137-147. doi:10.5249/jivr.v11i2.1061
5. Shen ACT. Dating Violence and Posttraumatic Stress Disorder Symptoms in Taiwanese College Students: The Roles of Cultural Beliefs. *J Interpers Violence*. 2014; 29(4):635-658. doi:10.1177/0886260513505213
6. Fernandez-Gonzalez L, Wekerle C, Goldstein AL. Measuring adolescent dating violence: Development of 'conflict in adolescent dating relationships inventory'short form. *Advances in Mental Health*. 2012;11(1):35-54. doi:10.5172/jamh.2012.11.1.35
7. Barroso-Corroto E, Cobo-Cuenca AI, Laredo-Aguilera JA, et al. Dating violence, violence in social networks, anxiety and depression in nursing degree students: A cross-sectional study. *J Adv Nurs*. 2023;79(4):1451-1463. doi:10.1111/jan.15170
8. Pichiule Castañeda M, Gandarillas Grande AM, Díez-Gañán L, et al. Young people dating violence surveillance in Madrid, Spain. *Rev Esp Salud Publica*. 2014;88(5):639-652. doi:10.4321/S1135-57272014000500008
9. Võ Thị Phương Thảo, Nguyễn Tiến Dũng, Hoàng Dũng Hà. Thực trạng bạo lực trong các gia đình trẻ tại tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*. 2020;129(6A):53-66. doi:10.26459/hueuni-jssh.v129i6A.5493
10. Dosil M, Jaureguizar J, Bernaras E, et al. Teen Dating Violence, Sexism, and Resilience: A Multivariate Analysis. *Int J Environ Res Public Health*. 2020;17(8):2652. doi:10.3390/ijerph17082652
11. Taylor S, Xia Y. Dating Violence Among Rural Adolescents: Perpetration and Victimization by Gender. *J Interpers Violence*. 2022;37(9-10):NP7729-NP7750. doi:10.1177/0886260520971613
12. Whitaker DJ, Haileyesus T, Swahn M, et al. Differences in Frequency of Violence and Reported Injury Between Relationships With Reciprocal and Nonreciprocal Intimate Partner Violence. *Am J Public Health*. 2007;97(5):941-947. doi:10.2105/AJPH.2005.079020
13. Anderson KM, Bergenfeld I, Cheong YF, et al. Childhood maltreatment class and sexually violent behavior among university men in Vietnam. *SSM - Popul Health*. 2022;18:101103. doi:10.1016/j.ssmph.2022.101103
14. Tarzia L, Forsdike K, Feder G, et al. Interventions in Health Settings for Male Perpetrators or Victims of Intimate Partner Violence. *Trauma Violence Abuse*. 2020; 21(1): 123-137. doi:10.1177/1524838017744772
15. Duval A, Lanning BA, Patterson MS. A Systematic Review of Dating Violence Risk

Factors Among Undergraduate College Students. *Trauma Violence Abuse*. 2020;21(3):567-585. doi:10.1177/1524838018782207

16. Ozaki R, Otis MD. Gender Equality, Patriarchal Cultural Norms, and Perpetration of Intimate Partner Violence: Comparison of Male University Students in Asian and European Cultural Contexts. *Violence Women*. 2017;23(9):

1076-1099. doi:10.1177/1077801216654575

17. Lewis P, Bergenfeld I, Thu Trang Q, et al. Gender norms and sexual consent in dating relationships: A qualitative study of university students in Vietnam. *Culture, Health & Sexuality*. 2022; 24(3): 358-373. doi: 10.1080/13691058.2020.1846078.

Summary

DATING VIOLENCE AMONG UNIVERSITY STUDENTS: A CROSS-SECTIONAL STUDY AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN 2025

This cross-sectional study aimed to describe the prevalence of dating violence (DV) among students at Hanoi Medical University in 2025. The CADRI-S, a self-reported questionnaire with 20 items, was utilized and translated into Vietnamese, to survey 962 students selected through a multi-stage stratified sampling method. Findings revealed that 52.91% of participants had perpetrated and 43.24% had experienced at least one form of DV. Common forms of DV included physical assault, threats, sexual abuse, emotional/verbal abuse, and controlling behaviors within romantic relationships. Among perpetrators, female students accounted for the majority of physical violence cases (83.51%), whereas sexual abuse was predominantly committed by males (59.38%). The results underscore the high prevalence of DV among this student population and highlight the need for targeted educational interventions to raise awareness and prevent violence in intimate relationships.

Keywords: Dating violence, university students.